TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH Y**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78/2020/QĐST-HNGĐ	*X, ngày 11 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X -TỈNH Y

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Phạm T N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn 5, xã Hà Mòn, huyện X, tỉnh Y

2. Chị Đào T K O, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn 5, xã Hà Mòn, huyện X, tỉnh Y

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Phạm T N và chị Đào T K O là hôn nhân hợp pháp; các bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận

[2] Về con chung: Anh chị đều xác nhận vợ chồng có 01 (một) con chung và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Phạm Đ K, sinh ngày 01/10/2018 cho chị Đào T K O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm T N cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 *đồng (Hai triệu đồng)* cho đến khi cháu Khôi đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2020.

Sự thỏa thuận trên là tự nguyện, không trái pháp luật, đảm bảo được lợi ích toàn diện của con nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh Phạm T N và chị Đào T K O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Thuận tình ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* anh, chị phải chịu. Anh Phạm T N nhận nộp toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật và trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là tự nguyện, bảo đảo được nghĩa vụ nộp lệ phí nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm T N và chị Đào T K O tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Đ K, sinh ngày 01/10/2018 cho chị Đào T K O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm T N cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 *đồng (Hai triệu đồng)* cho đến khi cháu Khôi đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2020.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Căn cứ điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Kể từ ngày chị Đào T K O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu hàng tháng anh Phạm T N không thực hiện đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì được quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng chẵn)* các đương sự phải chịu. Anh Phạm T N thỏa thuận chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng chẵn)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2016/0004319 ngày 30/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Y. Anh Phạm T N đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Y;
- VKSND Huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã Hà Mòn;
- Chi cục THADS H.X;
- Lưu HS việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nga